

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2026/HS-PT**

Ngày: 04/3/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng**

ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng
tham gia phiên tòa:** ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở
Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai bằng
hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 215/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng
10 năm 2025 đối với bị cáo Lê Hữu H cùng các bị cáo khác về các tội “*Đánh
bạc*”, “*Gá bạc*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số
120/2025/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk
Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Hữu H, sinh ngày 04/12/1983, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn G,
xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: làm
nông; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không;
quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T (đã chết) và bà Phan Thị H1, sinh năm
1945; bị cáo có vợ là Văn Thị T1, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm
2009 và con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: tại Bản án hình sự phúc thẩm số 119/2019/HSPT ngày
28/3/2019, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội
Tổ chức đánh bạc; tại Bản án hình sự phúc thẩm số 290/2021/HSPT ngày

29/11/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội *Đánh bạc* (bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt.

2. Lê Ngọc N, sinh ngày 06/6/1984 tại tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H); nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc L1, sinh năm 1956 và bà Trần Thị V, sinh năm 1956; bị cáo có vợ là Hà Thị Thúy D, sinh năm 1991 và 02 con, con lớn sinh năm 2014 và con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 267/2011/HSST ngày 15/12/2011, bị Toà án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 17 tháng 18 ngày, kể từ ngày tuyên án về tội *Đánh bạc* (bị cáo chưa được xóa án tích); tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt.

3. Hồ Đăng S, sinh ngày 14/6/1982 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Đăng Đ (đã chết) và bà Bùi Thị T2, sinh năm 1945; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt.

4. Hồ Đăng L2, sinh ngày 04/3/1987 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Đăng Đ (đã chết) và bà Bùi Thị T2, sinh năm 1945; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ngọc L3, sinh năm 1995 và 01 con, con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2017/HSST ngày 28/7/2017, bị Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, kể từ ngày tuyên án về tội *Đánh bạc*; tại Bản án hình sự phúc thẩm số 290/2021/HSPT ngày 29/11/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội *Đánh bạc* (bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt.

5. Trần Thiên Q, sinh ngày 08/02/1989 tại tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H); nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1961; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị B, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt.

6. Hồ Phi H2, sinh ngày 26/6/1984 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn R (đã chết) và bà Lê Thị D1, sinh năm 1935; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N1, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt.

7. Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/6/1986 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 04/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B1 (đã chết) và bà Lê Thị L4, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T3, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt.

8. Biền Hữu T4, sinh ngày 02/8/1971 tại tỉnh Quảng Trị (trước đây là tỉnh Quảng Bình); nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Biền Hữu C, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1942; bị cáo có vợ là Lê Thị H3, sinh năm 1975 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: tại Bản án hình sự phúc thẩm số 191/2015/HSPT ngày 28/5/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội *Tổ chức đánh bạc* (bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Văn K: ông Hoàng Văn C1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1 tỉnh Đ; địa chỉ: số C L, phường B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 ngày 12/3/2025, Phòng C2 Công an tỉnh Đ, bắt quả tang Lê Hữu H, Nguyễn Văn K, Hồ Đăng L2, Hồ Đăng S, Lê Ngọc N, Trần Thiên Q và Hồ Phi H2 đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa được, thua bằng tiền tại nhà tạm thuộc thửa đất 69, địa chỉ tại thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do Biền Hữu T4 quản lý và trông coi. Tạm giữ trên chiếu bạc số tiền 29.100.000 đồng, trong đó gồm 400.000 đồng tiền thu xâu do H vớt xuống. Tạm giữ số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc trên người các bị cáo số tiền 38.800.000 đồng và cùng một số đồ vật phục vụ cho việc đánh bạc. Còn Nguyễn Văn B3 và Biền Hữu T4 chỉ ngồi xem không tham gia đánh bạc. Quá trình điều tra vụ án đã xác định:

Biền Hữu T5, sinh ngày 28/02/1999, cư trú tại thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là người sử dụng đất, sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền trên đất với thửa đất 69, địa chỉ tại thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trên thửa đất có 01 căn nhà tạm, xây bằng gạch, có gác lửng, khoảng 20m², diện tích đất còn lại sử dụng để trồng cây sầu riêng. Do T5 thường đi làm công việc tự do bên ngoài nên đã nhờ cha ruột là Biền Hữu T4 đến quản lý và trông coi. Đến chiều tối ngày 12/3/2025, Lê Hữu H, Hồ Đăng S, Lê Ngọc N, Nguyễn Văn K, Hồ Phi H2, Hồ Đăng L2, Trần Thiên Q và Nguyễn Văn B3 đến chơi và cùng nhau uống bia tại đây. Sau khi uống bia xong, H, S, N, K, H2, L2 và Q nảy sinh ý định đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, nên thống nhất để H đại diện đứng ra, đặt vấn đề với T4, để H, S, N, K, H2, L2 và Q sử dụng phần gác trong căn nhà để đánh bạc và có trả tiền mượn địa điểm thì T4 đồng ý. Sau đó tất cả lên trên gác để đánh bạc. H lấy chén, đĩa có sẵn tại nhà và trải chiếu để những người này tham gia đánh bạc còn Q lấy kéo cắt các con vị để phục vụ cho việc đánh bạc, H thống nhất mỗi người bỏ ra 200.000 đồng đưa cho H để đóng tiền xâu và đã thu được 800.000 đồng tiền xâu của bốn người gồm S, K, H2 và L2. Số tiền này H đưa cho T4 400.000 đồng tiền mượn địa điểm và giữ lại 400.000 đồng để trả tiền mua đồ ăn, nước uống phục vụ khi đánh bạc.

Hành vi Đánh bạc, G1 bạc vào tối ngày 12/3/2025 của các bị cáo, như sau:

- Lê Hữu H mang theo và sử dụng số tiền khoảng 2.000.000 đồng để đánh bạc, H tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván đặt cược số tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Tại thời điểm bắt quả tang, H thua số tiền 1.000.000 đồng và bị tạm giữ trên người số tiền 1.000.000 đồng.

- Hồ Đăng S mang theo và sử dụng số tiền khoảng 8.000.000 đồng để đánh bạc, S đóng tiền xâu cho Lê Hữu H số tiền 200.000 đồng. Ban đầu S là người xóc cái và trực tiếp thắng thua với các con bạc. S tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván đặt cược số tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. S xóc cái được khoảng 5 đến 6 ván thì thua hết tiền nên chuyển cái cho Lê Ngọc

N. Tại thời điểm bắt quả tang, ngoài tổng số tiền bị phát hiện trên chiếu bạc, S thua hết số tiền mang theo.

- Lê Ngọc N mang theo và sử dụng số tiền khoảng 6.000.000 đồng để đánh bạc. Ban đầu khi đánh bạc thì Hồ Đăng S là người xóc cái. S xóc cái được khoảng 5 đến 6 ván thì S chuyển cái cho N xóc cái để trực tiếp thắng thua với các con bạc. Nhân tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván đặt cược số tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang, N thắng số tiền 2.400.000 đồng và bị tạm giữ trên người số tiền 8.400.000 đồng.

- Hồ Đăng L2 mang theo và sử dụng số tiền khoảng 5.000.000 đồng để đánh bạc, Lưu đóng tiền xâu cho Lê Hữu H số tiền 200.000 đồng. Lưu tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván đặt cược số tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang, Lưu thắng số tiền 3.900.000 đồng và bị tạm giữ trên người số tiền 8.900.000 đồng.

- Nguyễn Văn K mang theo và sử dụng số tiền khoảng 5.000.000 đồng để đánh bạc, K đóng tiền xâu cho Lê Hữu H số tiền 200.000 đồng. K tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván đặt cược số tiền từ 300.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang, K thắng số tiền 500.000 đồng và bị tạm giữ trên người số tiền 5.500.000 đồng.

- Hồ Phi H2 mang theo và sử dụng số tiền khoảng 4.000.000 đồng để đánh bạc, H2 đóng tiền xâu cho Lê Hữu H số tiền 200.000 đồng. H2 tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván đặt cược số tiền từ 300.000 đồng đến 4.000.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang, H2 thắng số tiền 1.000.000 đồng và bị tạm giữ trên người số tiền 5.000.000 đồng.

- Trần Thiên Q mang theo và sử dụng số tiền khoảng 1.500.000 đồng để đánh bạc, Q tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván đặt cược số tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang, Quốc thắng số tiền 8.500.000 đồng và bị tạm giữ trên người số tiền 10.000.000 đồng.

- Biên Hữu T4 đã nhận tiền xâu 400.000 đồng từ Lê Hữu H.

Các bị cáo khai nhận không nhớ chính xác mang theo bao nhiêu tiền khi tham gia đánh bạc. Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Lê Hữu H mang theo số tiền khoảng hơn 2.000.000 đồng, Hồ Đăng S mang theo số tiền khoảng 8.000.000 đồng, Lê Ngọc N mang theo số tiền khoảng 6.000.000 đồng, Hồ Đăng L2 mang theo số tiền khoảng 5.000.000 đồng, Nguyễn Văn K mang theo số tiền khoảng 5.000.000 đồng, Hồ Phi H2 mang theo số tiền khoảng 4.000.000 đồng, Trần Thiên Q mang theo số tiền khoảng 1.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

1. Tuyên bố: các bị cáo Lê Hữu H, Lê Ngọc N, Hồ Đăng S, Hồ Đăng L2, Nguyễn Văn K, Hồ Phi H2, Trần Thiên Q phạm tội “Đánh bạc”; bị cáo Biên Hữu T4 phạm tội “Gá bạc”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Lê Ngọc N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

2.2 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Lê Hữu H 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

2.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Hồ Đăng L2 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

Xử phạt: bị cáo Hồ Đăng S 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

Xử phạt: bị cáo Hồ Phi H2 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

Xử phạt: bị cáo Trần Thiên Q 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn K 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

2.4 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Biền Hữu T4 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt bổ sung; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/9/2025, các bị cáo Lê Hữu H, Hồ Đăng L2 kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/9/2025, các bị cáo Hồ Đăng S, Hồ Phi H2, Nguyễn Văn K kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 18/9/2025, các bị cáo Lê Ngọc N, Trần Thiên Q, Biên Hữu T4 kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu H, Lê Ngọc N, Hồ Đăng S, Hồ Đăng L2, Trần Thiên Q và Biên Hữu T4, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Phi H2, Nguyễn Văn K, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K trình bày quan điểm thống nhất về tội danh mà Tòa sơ thẩm đã quy kết cho các bị cáo; đồng thời thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 và 18/9/2025, các bị cáo Lê Hữu H, Lê Ngọc N, Hồ Đăng S, Hồ Đăng L2, Trần Thiên Q, Hồ Phi H2, Nguyễn Văn K và Biên Hữu T4 có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng:

[2.1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khi được giao quản lý, trông coi căn nhà tạm thuộc thửa đất số 69 tại thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn G, xã T, tỉnh Đắk Lắk), thì Biên Hữu T4 đã đồng ý cho các bị cáo Lê Hữu H, Lê Ngọc N, Hồ Đăng S, Hồ Đăng L2, Trần Thiên Q, Hồ Phi H2, Nguyễn Văn K sử dụng để đánh bạc và hưởng tiền cho mượn địa điểm. Tại đây, khoảng 23 giờ ngày 12/3/2025, khi các bị cáo đang đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa (một người làm cái sẽ xóc 04 con vị, mỗi con vị gồm một mặt trắng và một mặt đen được để trong 01 đĩa, đập bằng 01 cái chén để xác định kết quả chẵn hay lẻ) thắng - thua bằng tiền thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang với tổng số tiền thu giữ trên người mỗi bị cáo và trên chiếu bạc là 68.300.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Lê Hữu H, Lê Ngọc N, Hồ Đăng S, Hồ Đăng L2, Trần Thiên Q, Hồ Phi H2, Nguyễn Văn K về tội “*Đánh bạc*” với tình tiết định khung “*Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên*”; bị cáo Biên Hữu T4 về tội “*Gá bạc*” với tình tiết định khung “*Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 và điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo đều đủ năng lực để nhận thức hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương.

Trong vụ án này, các bị cáo Lê Hữu H, Lê Ngọc N và Hồ Đăng L2 đều có nhân thân xấu; trong đó, bị cáo H và bị cáo L2 02 lần bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị cáo N 01 lần bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa được xóa án tích đều về cùng nhóm tội phạm đánh bạc nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều này thể hiện sự coi thường pháp luật và khả năng cải tạo không tốt của các bị cáo. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo N và L2 là lao động duy nhất trong gia đình và đang nuôi con trong độ tuổi đi học nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định. Tuy nhiên, Lê Ngọc N phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm*”; bị cáo cũng là người xóc cái chính, số tiền thu giữ trên người bị cáo tương đối lớn so với các bị cáo khác (8.400.000đ). Số tiền thu giữ trên người bị cáo Lê Hữu H (1.000.000đ) ít hơn so với bị cáo Hồ Đăng L2 (8.900.000đ) nhưng H là người chủ động mượn địa điểm, chuẩn bị các công cụ, phương tiện (chén, đĩa, chiếu ngồi) để các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc, thu tiền xâu để trả cho bị cáo T4. Do đó, bị cáo Lê Ngọc N phải chịu mức hình phạt cao nhất, Lê Hữu H và Hồ Đăng L2 phải chịu mức hình phạt tương đương nhau và cao hơn các bị cáo còn lại.

Các bị cáo Hồ Đăng S, Trần Thiên Q có nhân thân tốt và được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lao động duy nhất của gia đình, phải nuôi mẹ già, con nhỏ đi học; bị cáo S có Thư cảm ơn của Đoàn xã vì tích cực đóng góp hỗ trợ học sinh khó khăn; bị cáo Q có ông nội là Liệt sĩ, bà nội là Mẹ Việt Nam anh hùng. Tuy nhiên, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của bị cáo Q là cao nhất trong số các bị cáo (8.900.000đ); bị cáo S tham gia với vai trò là người cầm cái (xóc 5 - 6 ván thì chuyển cái cho bị cáo N), đồng thời số tiền bị cáo mang theo sử dụng vào việc đánh bạc tương đối lớn (8.000.000đ). Do đó, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương đương nhau và thấp hơn các bị cáo H, N, Lưu là có cơ sở.

Cũng như các bị cáo S và Q thì các bị cáo Hồ Phi H2, Nguyễn Văn K có nhân thân tốt; được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ:

thành khăn khai báo, ăn năn hối cải; là lao động chính duy nhất trong gia đình và đang nuôi con trong độ tuổi đi học; gia đình bị cáo K là hộ cận nghèo nên áp dụng mức hình phạt tương đương với bị cáo S và Q là phù hợp.

Bị cáo Biên Hữu T4 cho các bị cáo khác mượn địa điểm đánh bạc và nhận tiền xâu 400.000đ. Bản thân bị cáo đã từng bị tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*” nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội với hành vi tương tự. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 68.300.000đ, cao hơn gấp 03 lần so với mức khởi điểm quy định tại điều khoản mà bị cáo bị xét xử nên bị cáo phải chịu trách nhiệm tương ứng với hành vi phạm tội do mình gây ra.

Tại cấp phúc thẩm các bị cáo Lê Ngọc N, Trần Thiên Q, Biên Hữu T4 không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Các bị cáo Lê Hữu H, Hồ Đăng S, Hồ Đăng L2 cung cấp tài liệu thể hiện đã nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo H đã nộp số tiền phạt bổ sung 10.000.000đ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng cho các bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Lê Ngọc N, 03 năm 03 tháng tù đối với các bị cáo Lê Hữu H và Hồ Đăng L2, Hồ Đăng S và Trần Thiên Q mỗi bị cáo 03 năm tù, Biên Hữu T4 02 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, thể hiện sự phân hóa vai trò tội phạm, đánh giá toàn diện về nhân thân, tình tiết của mỗi bị cáo; đồng thời mức án này chỉ là khởi điểm của khung hình phạt tại điều luật mà các bị cáo bị truy tố, xét xử. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo H, N, S, L2, Quốc, T4 và không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo S.

Đối với bị cáo Hồ Phi H2 và Nguyễn Văn K, tại cấp phúc thẩm các bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện: tích cực hoạt động trong đóng góp hỗ trợ học sinh vùng cao nên được Đoàn xã T gửi Thư cảm ơn; bị cáo H2 có cha vợ là Nguyễn Ngọc Đ1 tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975; H2 hiện đang phải nuôi mẹ già ốm đau tàn tật, bị cáo đã nộp số tiền án phí sơ thẩm 200.000đ thể hiện ý thức chấp hành pháp luật, tôn trọng phán quyết của Tòa án và khả năng tự cải tạo của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ L5, Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình. Hội đồng xét xử thấy: số tiền mà H2 và K sử dụng vào việc đánh bạc là thấp nhất so với các bị cáo còn lại (H2: 5.000.000đ, K: 5.500.000đ) và các bị cáo chỉ tham gia với vai trò là người chơi đặt cược, không xóc cái. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội, đều là những công dân chấp hành tốt pháp luật tại địa phương, chưa từng bị khiển trách hay xử phạt nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng như các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hồ Phi H2, Nguyễn Văn K, sửa bản án sơ thẩm, cho các bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3]. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lê Hữu H, Lê Ngọc N, Hồ Đăng S, Hồ Đăng L2, Trần Thiên Q, Biền Hữu T4 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Hồ Phi H2, Nguyễn Văn K không phải chịu án phí phúc thẩm. Số tiền các bị cáo đã nộp tại cấp phúc thẩm sẽ được khấu trừ trong quá trình thi hành án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu H, Lê Ngọc N, Hồ Đăng S, Hồ Đăng L2, Trần Thiên Q và Biền Hữu T4. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với các bị cáo.

1.1 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Lê Ngọc N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

1.2 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Lê Hữu H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

1.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: bị cáo Hồ Đăng L2 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

- Xử phạt: bị cáo Hồ Đăng S 03 (ba) năm tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thiên Q 03 (ba) năm tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

1.4 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Biên Hữu T4 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Gá bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 27/6/2025.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Hồ Phi H2, Nguyễn Văn K. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo.

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: bị cáo Hồ Phi H2 03 (ba) năm tù về tội “*Đánh bạc*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn K 03 (ba) năm tù về tội “*Đánh bạc*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Hồ Phi H2, Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của . Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Hữu H, Lê Ngọc N, Hồ Đăng S, Hồ Đăng L2, Trần Thiên Q và Biên Hữu T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam, theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên